

Số: 250 /2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 14 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 294/2026/VDS-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1994; số CCCD: 046094016006; địa chỉ: C Đ, phường V, thành phố H;

- **Chị Lê Thị Thùy T1**, sinh năm: 1995; số CCCD: 046195012466; địa chỉ: C Kiệt C L, phường T, thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố H) vào ngày 24/02/2020. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã xung đột nhau. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa anh T, chị T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 xác nhận vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thùy A, sinh ngày 01/04/2020. Hiện nay đang sống cùng chị Lê Thị Thùy T1.

Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Thùy A, sinh ngày 01/04/2020 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng cho cháu A là 3.000.000 đồng, kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu A thành niên, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 05 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Thùy A, sinh ngày 01/04/2020 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến cháu A thành niên, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Thùy T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh T, chị T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001374 ngày 24 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố H. Anh T và chị T1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1, Huế;
- Thi hành án Dân sự, tp Huế;
- UBND phường Thuận Hóa, tp Huế;
- (ĐKKH số:14/2020, ngày 24/02/2020 của UBND Phường phường Đức cũ)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan